

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hiệp;

- Ông Phan Anh Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim T, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Võ Thị Kim T trình bày:

Chị và anh H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, thông qua người làm mai vào năm 1995. Hai bên không có thời gian tìm hiểu, chỉ làm mai rồi 10 ngày sau thì về chung sống vợ chồng, không tổ chức đám cưới, đám hỏi vì hai bên trước đó đều đã từng lập gia đình, chồng trước của chị và vợ trước của anh H chết nên hai bên đến với nhau. Chị và anh H chung sống từ năm 1995 nhưng đến ngày 23-8-2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống bên gia đình anh H, mới ở riêng khoảng 04 năm trở lại đây. Từ khi chị và anh H về ở chung cho đến nay, vợ chồng không thật sự hạnh phúc, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt về mắng chửi, xúc phạm và đánh chị, có

lần phải nằm viện ở bệnh viện Cai Lậy điều trị khoảng 01 tháng, anh H bỏ mặc không nuôi dưỡng. Chị cố gắng chịu đựng để vun vén gia đình, mong có ngày anh H thay đổi tính tình nhưng anh H chẳng những không thay đổi mà ngày càng mắng chửi, đánh đập chị nhiều hơn. Do không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng 1,5 năm trở lại đây. Trong thời gian chị đi, anh H không liên lạc với chị để khuyên chị về chung sống mà theo chị biết thì ngày 28 tết năm 2021, anh H dẫn người phụ nữ khác về giới thiệu cho con chị biết. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Ngọc T1, sinh ngày 21-8-2001 và Phạm Văn L, sinh ngày 01-12-1997 hiện hai con đang sống cùng chị, do con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Phạm Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thị Kim T và anh Phạm Văn H tranh chấp về ly hôn, anh H cư trú tại ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Nguyên đơn, chị Võ Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn, anh Phạm Văn H không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim T và anh Phạm Văn H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126, ngày 23-8-2013. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị T cho rằng anh H thường xuyên nhậu nhẹt về mắng chửi, đánh chị có lần phải nhập viện điều trị khoảng một tháng nhưng anh H bỏ mặc không quan tâm chăm sóc. Chị T cho biết hiện chị và anh H đã sống ly thân hơn một năm, trong thời gian đó hai bên hoàn toàn không có biện pháp gì để hòa giải hàn gắn. Mặc dù, nguyên nhân dẫn đến ly hôn do chị T nêu, nhưng anh H không có ý kiến gì phản

đôi là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh H đã sống ly thân, cả hai không có biện pháp gì hàn gắn, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó được thể hiện qua việc chị T thì yêu cầu ly hôn, còn anh H dù đã được Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án nhưng cũng không đến, đã cho thấy anh H không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và *“vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị T và anh H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị T khai chị và anh H có hai con chung là Phạm Ngọc T1, sinh ngày 21-8-2001 và Phạm Văn L, sinh ngày 01-12-1997 hiện hai con đang sống cùng chị T. Do các con đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến, yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, phía anh H cũng không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu có tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị Kim T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim T. Cho chị Võ Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về án phí:

Chị Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001802 ngày 03-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã PA, huyện C,
tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực